TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 17–4–2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc, Bà Lường Thị Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2022/TLST - HNGĐ ngày 07-12-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30-3-2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị D, sinh năm 1995.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn T, sinh năm 1992.

Đều trú tại: Bản TNA, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Lường Thị D trình bày:

Chị Lường Thị D và anh Lường Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được dẫn đến hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lường Văn T.

Về con chung: Chị Lường Thị D và anh Lường Văn T có 02 con chung: Cháu Lường Thị TM, sinh ngày 14/02/2013 và cháu Lường TT, sinh ngày 29/5/2014. Chị D đề nghị giao cả hai cháu cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị D cam đoan không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Lường Thị D: Chị đang làm thuê cho công ty ở tỉnh BN với thu nhập trung bình là 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng mỗi tháng. (Chị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về công việc, thu nhập)

Trong bản tự khai bị đơn anh Lường Văn T trình bày:

Anh Lường Văn T và chị Lường Thị D kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị Lường Thị D.

Về con chung: Anh Lường Văn T và chị Lường Thị D có 02 con chung: Cháu Lường Thị TM, sinh ngày 14/02/2013 và cháu Lường TT, sinh ngày 29/5/2014. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T yêu cầu chị Lường Thị D cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lường Thị TM, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023.

Anh T không yêu cầu chị Lường Thị D phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lường TT.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh T cam đoan không có nợ chung.

Tại bản kê khai thu nhập cá nhân anh Lường Văn T đang làm thuê với thu nhập trung bình là 7.000.000 đồng/tháng. (Anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về công việc, thu nhập)

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lường Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Lường Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh T giữ nguyên ý kiến như trình bày trong bản tự khai.

Biên bản xác minh ngày 23/02/2023 tại chính quyền địa phương: Chị Lường Thị D và anh Lường Văn T chung sống với nhau có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được. Hiện tại anh, chị đã sống ly thân từ năm 2021. Chị Lường Thị D và anh Lường Văn T có 02 con chung. Hiện tại hai cháu đang sống cùng anh Lường Văn T và bố mẹ đẻ anh T tại bản TNA, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Biên bản ghi ý kiến cháu Lường Thị TM, sinh ngày 14/02/2013: Cháu Lường Thị TM có nguyện vọng muốn ở với anh Lường Văn T.

Biên bản ghi ý kiến cháu Lường TT, sinh ngày 29/5/2014: Cháu Lường TT có nguyện vọng muốn ở với anh Lường Văn T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Về tình cảm: Xử cho chị Lường Thị D được ly hôn anh Lường Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lường Thị TM, sinh ngày 14/02/2013 và cháu Lường TT, sinh ngày 29/5/2014 cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lường Thị TM là 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu My đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lường Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lường TT.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con cho nguyên đơn chị Lường Thị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị D yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lường Văn T có nơi cư trú tại bản TNA, xã TM, huyện Thuận Châu , tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lường Thị D, bị đơn anh Lường Văn T vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị D và anh Lường Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng anh T và chị D phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được dẫn đến hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị D yêu cầu ly hôn anh Lường Văn T.

Anh Lường Văn T nhất trí ly hôn với chị Lường Thị D.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị D và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lường Thị D ly hôn với anh Lường Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lường Thị D và anh Lường Văn T có 02 con chung: Cháu Lường Thị TM, sinh ngày 14/02/2013 và cháu Lường TT, sinh ngày 29/5/2014. Hiện tại hai cháu đang sống cùng anh T.

Chị Lường Thị D và anh Lường Văn T đều đề nghị giao cả hai cháu cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy: Ý kiến của chị D và anh T đồng thuận về việc nuôi con chung và nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với anh Lường Văn T. Anh T có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định. Do đó, cần chấp nhận, giao cháu Lường Thị TM và cháu Lường TT cho anh Lường Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường Văn T yêu cầu chị Lường Thị D cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lường Thị TM, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023.

Anh Lường Văn T không yêu cầu chị Lường Thị D phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lường TT.

Ý kiến của chị Lường Thị D là không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị Lường Thị D có công việc, có thu nhập. Để đảm bảo sự phát triển tốt về thể chất và học hành cho hai cháu, cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Lường Văn T. Buộc chị Lường Thị D phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lường Thị TM với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng mỗi tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu Lường Thị TM đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Lường Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lường TT (anh Lường Văn T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng), do đó cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị D, anh T cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lường Thị D. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị D được ly hôn anh Lường Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Thị TM, sinh ngày 14/02/2013 và cháu Lường TT, sinh ngày 29/5/2014 cho anh Lường Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị D phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lường Thị TM, sinh ngày 14/02/2013 với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng mỗi tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu Lường Thị TM đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Lường Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lường TT, sinh ngày 29/5/2014 (anh Lường Văn T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng).

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị D, anh T cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lường Thị D.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị D, anh Lường Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Nghĩa